ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1168 /QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 22 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ 10 Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Quyết định số 325/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/QĐ-HĐND ngày 01/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang bãi bỏ 13 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Tuyên Quang ban hành về quy hoạch ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 291/TTr-STNMT ngày 29/8/2024 về việc đề nghị bãi bỏ toàn bộ 10 quyết định do Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ 10 quyết định do Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành về quy hoạch thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, gồm:

1. Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030".

3. Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

4. Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 03 điểm mỏ khoáng sản cát, sỏi, đá phiến vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

5. Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 03 điểm mỏ khoáng sản phân tán nhỏ lẻ vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

6. Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 04 mỏ khoáng sản mới và diện tích mở rộng 02 mỏ đã được cấp phép làm vật liệu xây dựng thông thường vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

7. Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 01 mỏ khoáng sản mới và mở rộng diện tích 01 mỏ đã cấp phép làm vật liệu xây dựng thông thường vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

8. Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 08/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 02 mỏ khoáng sản mới làm vật liệu xây dựng thông thường vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

9. Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt bổ sung 01 khu vực chì kẽm đã được phê duyệt kết quả khoanh định khu vực có khoáng sản nhỏ lẻ vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

10. Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc bổ sung 09 khu vực khoáng sản (01 khu vực kaolin felspat, 07 khu vực tận thu barit, 01 khu vực đất san lấp) vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Mọi hoạt động liên quan đến nội dung điều chỉnh của các Quyết định bị bãi bỏ tại Điều 1 Quyết định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng THCB và KSTTHC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT (Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang